



quan đến vấn đề của cá nhân trong mối quan hệ chức năng với môi trường(9). Lĩnh vực này bao gồm những kĩ năng vận động hoặc những kĩ năng về thể lực, trong đó có cả kĩ năng cảm nhận, kĩ năng phối hợp tay với mắt (10).

Theo Harrow (1977) có 6 cấp độ: vận động phản xạ, vận động cơ bản chính, thái độ nhận thức, phẩm chất thể lực, vận động khéo léo, giao tiếp không lời.

Các tập tính tâm vận hỗ trợ cho hoạt động nhận thức và hoạt động tình cảm(9).

Chú ý rằng, theo Sidney Marlan Jr. (1971) thì năng lực tâm vận là một trong 6 lĩnh vực mà trẻ em năng khiếu có tiềm lực cho những thành tích cao, bên cạnh năng lực trí tuệ chung (general intellectual ability), năng lực hàn lâm riêng biệt (specific academic aptitude), tư duy sáng tạo hay phát triển (creative or productive thinking), năng lực lãnh đạo (leadership ability) và năng lực liên quan đến nghệ thuật hình ảnh và trình diễn (visual and performing arts)(11).

Trong khi xác định những nội dung cụ thể liên quan đến 3 lĩnh vực nói trên, có lẽ cũng cần quan tâm đến các dạng trí khôn để cập trong(8): ngôn ngữ, âm nhạc, lôgic toán, không gian, tri giác cơ thể ở dạng vận động, các trí khôn cá nhân (hướng vào bản thân và hướng sang người khác).

Ở nước ta, GS. Nguyễn Cảnh Toàn đã phát biểu: "kiến thức, tư duy và tính cách là mục tiêu đào tạo"(6). Trong định nghĩa đó, "tính cách" (disposition) được chúng tôi hiểu là tổng thể những đặc điểm tâm lí ổn định trong các cư xử của một người, biểu hiện thái độ điển hình của người đó trong những hoàn cảnh điển hình.

Tóm lại, tùy theo truyền thống của dân tộc và yêu cầu phát triển khoa học, kinh tế, xã hội của đất nước trong giai đoạn lịch sử nhất định mà đề ra mục tiêu đào tạo của nhà trường về 3 lĩnh vực nhận thức, tình cảm và tâm vận.

1.3. Vai trò, vị trí của mục tiêu đào tạo đối với người dạy và người học

"Mục tiêu là lời khẳng định hiệu năng và trách nhiệm... Mục tiêu giống như một chiếc nam châm có sức hút đối với người học và người dạy, được sử dụng làm đèn pha cho họ và kích thích họ trong phương pháp tiến hành riêng rẽ của từng người"(9).

Mặt khác, mục tiêu là cơ sở để ngành Giáo dục và xã hội quản lí và đánh giá công tác đào tạo của nhà trường.

1.4. Phải thiết kế công tác dạy học như thế nào để đạt được kết quả mong muốn đã ghi

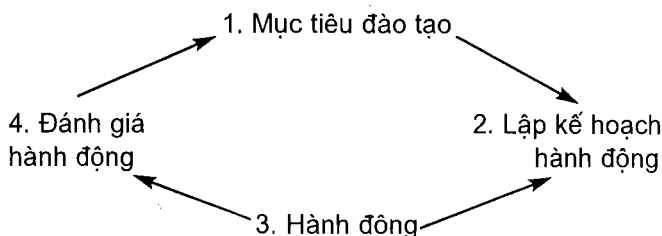
trong mục tiêu đào tạo?

Từ mục tiêu đào tạo con người của nhà trường, các bộ môn dạy học trong trường lại tùy theo bản chất của khoa học, nghệ thuật tương ứng mà xác định các mục tiêu cụ thể (các mục đích) về nhận thức, tình cảm và tâm vận, nhằm kết nối lại để đạt đến khung của mục tiêu chung (xem thêm)(1). Chú ý rằng mục tiêu chung là một không gian 3 chiều (nhận thức, tình cảm, tâm vận) thoả mãn 5 tiêu chí sau đây (gọi là tiêu chí SMART(10)):

- Đặc thù (Specific - S)
- Đo lường được (Measurable - M)
- Được nhất trí (Agreed - A)
- Thực tế (Realistic - R)
- Có thời hạn (Timebound - T)

Trong(8), Howard Garnar có lời khuyên: "Khôn ngoan ra thì bao giờ cũng bắt đầu với việc xem xét lại các mục đích của một can thiệp hoặc của toàn bộ chương trình giáo dục. Những mục đích nói ra càng rõ bao nhiêu, càng ít bao bọc bởi cách nói hoa mỹ hoặc chung chung thì càng tốt... Từ đó, ta có thể phân tích những kĩ năng trí khôn hợp thành nó và nghĩ ra những cách thức đánh giá sự thành công hoặc các mức độ thành công hoặc thất bại" (tr. 439).

Tiến trình thực hiện tuân theo sơ đồ:



Những tư liệu đánh giá thành quả phần đầu theo mục tiêu đào tạo của từng học sinh sẽ giúp ích rất nhiều cho nhà trường làm tốt công tác tư vấn hướng nghiệp cho các em.

2. Thử nhìn lại mục tiêu đào tạo của nhà trường phổ thông ở nước ta qua môn Toán

2.1. Trong "Luật Giáo dục" (4) đã ghi rõ:

Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kĩ năng cơ bản phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

"... Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy

sáng tạo của học sinh phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, từng môn học, bồi dưỡng năng lực tự học, rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui hứng thú học tập cho học sinh”

2.2. Từ năm học 2002-2003, hai dự án đổi mới giáo dục ở bậc tiểu học và THCS và từ năm học 2003-2004 dự án THPT phân ban đã thực hiện cho đến 2005-2006, đã đem lại bước đầu những thành tựu đáng khích lệ. Trong phần mục tiêu đều có đề cập đến kiến thức, kĩ năng, tư duy và phẩm chất (2) hoặc kiến thức, kĩ năng, tư duy và thái độ (3). Tuy nhiên, “tư duy và tính cách bị chìm đi trong kiến thức”(6). Vì sao? Phải chăng vì “không đề ra được yêu cầu cụ thể, có thang bậc về rèn luyện tư duy và tính cách, phó mặc cho GV làm được đến đâu hay đến đấy”(6), tức là chưa thể hiện được những tiêu chí SMART đã giới thiệu ở mục 2. Dẫn chứng: Những cụm từ rất chung chung thể hiện trong phần mục tiêu đào tạo của môn Toán như:

- Phát triển các năng lực tư duy theo đặc trưng của môn học;
- Góp phần hình thành các phẩm chất lao động khoa học cần thiết của người lao động (2, trang 13);
- Góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất, phong cách lao động khoa học (3, trang 209).

Do vậy, chúng tôi tha thiết mong đợi những bổ sung cụ thể về tư duy và tính cách trong mục tiêu đào tạo môn Toán của từng bậc học (tiểu học, THCS, THPT) để GV tiến hành dạy học đạt được yêu cầu như Luật Giáo dục mong muốn.

Sau đây xin nêu 2 kiến nghị tham khảo:

* Lời khuyên của GS Hoàng Tụy (5)

“Mục đích của môn Toán gồm 3 phần liên quan khăng khít với nhau:

a) Lợi ích thực tế (cung cấp kiến thức, kĩ năng thực hành tính toán cần thiết cho đời sống và hoạt động thực tiễn),

b) Rèn luyện trực giác và trí tưởng tượng (thông qua quan sát, thực nghiệm, xây dựng mô hình, dự đoán, đặt giả thuyết, ước lượng và xấp xỉ, tìm tòi và khám phá...)

c) Rèn luyện tư duy logic (phân tích, tổng hợp, sắp xếp, phân biệt điều kiện “cần” và “đủ”, phân biệt “và” với “hoặc”, giả thiết với kết luận, suy luận diễn dịch, phản chứng, quy nạp, tổng quát hoá, đặc biệt hoá...)

Nếu chỉ chú trọng lợi ích thực tế mà lơ là các mục đích khác thì trước sau gì cũng làm chậm sự phát triển khoa học - công nghệ do không đủ năng lực sáng tạo. Nhưng nếu chỉ coi trọng việc rèn luyện tư duy logic đơn thuần thì có nguy cơ xa rời đời sống, dễ dẫn đến chủ nghĩa hình thức

nghèo nàn. Còn trực giác và trí tưởng tượng nói ở đây phải dựa trên kiến thức thực tế và tư duy lôgic làm nguồn cảm hứng, kích thích và hướng dẫn mới có thể phát triển tốt.”

Chúng tôi thấy rằng với mục đích a) sẽ tăng cường hứng thú, say mê học toán cho HS; từ mục đích b) và c) sẽ giúp HS hiểu và thực hiện phương pháp toán học và cách tự học toán.

* Mặt khác, cần tận dụng những đặc thù trong hoạt động dạy học toán để góp phần giáo dục đậm nét hơn một số tính cách rất cần thiết của người lao động. Chẳng hạn:

- Tính cẩn thận, tính kỉ luật (thông qua việc tuân thủ nghiêm ngặt ngữ nghĩa và cú pháp của các đối tượng toán học, các quy luật và phương pháp suy luận, các thuật toán...)

- Tính tiết kiệm, tính tối ưu (thể hiện qua vận dụng các kiến thức toán học trong các bài toán thực tiễn tiết kiệm nguyên vật liệu, thời gian, năng suất cao, chất lượng tốt, giá thành hạ, tìm giải pháp tốt nhất...)

- Tính trung thực, tự lực cánh sinh, khắc phục khó khăn, cần cù, nhẫn nại trong học tập.

- Tính hợp tác, giao lưu với bạn bè...

- Óc thẩm mĩ (giúp cho HS hiểu và yêu thích vẻ đẹp của toán học, thể hiện trong chân lí toán học, trong lợi ích, sự sáng tạo, hình thức trình bày...)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Châu, *Một số vấn đề về chương trình khung trong giáo dục*, TTKHGD, số 113/2004.
2. *Chương trình THCS các môn Toán - Tin*, NXBGD, 2002.
3. *Chương trình THPT môn Toán*, Bộ GD-ĐT, 2002.
4. *Luật Giáo dục*, NXBCTQG, 2005.
5. Hoàng Tụy, *Dạy toán ở trường phổ thông còn nhiều điều chưa ổn*. Tia sáng, số 12/2001.
6. Nguyễn Cảnh Toàn, *Phương pháp luận duy vật biện chứng với việc học, dạy, nghiên cứu toán học*. NXBDHQ HN, 1997.
7. Thomas Vallely (V.N. ghi). *Chìa khoá để Việt Nam tăng trưởng bền vững*, Lao động, 2015/2005.
8. Howard Garner: *Cơ cấu trí khôn. Lí thuyết về những dạng trí khôn*. Người dịch: Phạm Toàn, NXB Giáo dục, 1997.
9. Jean - Mare Denommé - Madeleine Roy. *Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác. Bộ ba: Người học - Người dạy - Môi trường*, NXBTN, 2000.
10. Geoffrey Petty. *Teaching to day*. Stanly Thomas. United Kingdom, 1998.
11. *The International Encyclopedia of Education "Pergamon"*. Oxford, Sydney, Toronto, Paris, Frankfurt, 1985.

SUMMARY

The article analyses some issues of theory on education goals of the schools and that in mathematics.



PHÂN CẤP QUẢN LÝ GIÁO DỤC MẦM NON THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

• ThS. NGUYỄN THỊ QUYÊN

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

Giao dục (GD) có vai trò quan trọng đặc biệt đối với phát triển kinh tế, giảm đói nghèo. Xoá đói, giảm nghèo và mang lại công bằng trong GD là một định hướng chiến lược của Chính phủ Việt Nam. Để thực hiện chiến lược này, trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam là đảm bảo quyền được hưởng GD cho tất cả mọi người, đảm bảo rằng mọi trẻ em đều được đi học để có kiến thức và kĩ năng cơ sở cần thiết và có thể làm việc có hiệu quả sau khi ra trường. Ở bậc học mầm non, điều này được hiểu là bảo đảm cho tất cả trẻ em trong độ tuổi được đến trường.

Tuy vậy trong thực tế hiện nay, mức độ trẻ em được hưởng thụ giáo dục mầm non (GDMN) rất chênh lệch giữa vùng thành thị và vùng nông thôn, các vùng kinh tế – xã hội (KT-XH) khác nhau, giữa các tầng lớp xã hội, giữa trẻ bình thường và trẻ chậm phát triển, trẻ có gia đình và trẻ vô gia cư,... Chính sự thiếu công bằng trong GDMN sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng đáng lo ngại hơn so với những hiện tượng thiếu công bằng ở những bậc học khác.

Cùng với sự đổi mới kinh tế và các vấn đề xã hội khác, đổi mới phân cấp quản lý (PCQL) GDMN, tăng quyền tự chủ về công tác tổ chức cán bộ và quản lý tài chính cho các cơ sở GDMN là giải pháp thực hiện quản lý nhà nước về GDMN có hiệu quả nhất nhằm khắc phục tình trạng thiếu công bằng trong bậc học này.

1. Thực trạng phân cấp về quản lý xây dựng nội dung chương trình và phương pháp giáo dục mầm non: Theo Luật Giáo dục, chính quyền Trung ương quy định mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp GD&ĐT của các cấp học, ngành học, thực hiện biên soạn và phát hành các loại sách giáo khoa và các ấn phẩm GD. Có thể nói rằng, *chức năng này được quản lý tập trung thống nhất và hầu như không được phân cấp cho chính quyền địa phương và cơ sở GD.*

Đối với bậc học mầm non, thời gian qua trong quá trình biên soạn Chương trình chăm sóc GDMN mới và sách hướng dẫn thực hiện chương trình, Bộ GD&ĐT đã chỉ đạo lấy ý kiến của các

chuyên gia, cán bộ quản lý các cấp, GVMN của 64 tỉnh thành trong cả nước (qua nhiều vòng). Vì vậy, bộ chương trình chăm sóc - GDMN mới và sách hướng dẫn thực hiện chương trình được các địa phương đánh giá là phù hợp với thực tế và hiện tại đang được thực hiện thí điểm tại một số địa phương.

2. Thực trạng phân cấp về quản lý tài chính GDMN

Về quản lý kinh phí của GDMN: Khác với các bậc học khác, các cơ sở GDMN phần lớn đều là ngoài công lập, theo sự phân cấp quản lý hiện nay *phải chịu sự quản lý và phụ thuộc vào nhiều đơn vị khác nhau: kinh phí hoạt động phụ thuộc vào nguồn đóng góp của phụ huynh là chủ yếu; chuyên môn chịu sự quản lý của ngành GD; nhân sự, cơ sở vật chất phụ thuộc chính quyền địa phương.* Thực tế ngân sách Nhà nước chủ yếu chỉ hỗ trợ lương cho GV, kinh phí các hoạt động còn lại của các cơ sở GDMN do gia đình đóng góp và các ngành, các tổ chức XH hỗ trợ. Nhưng hầu như toàn bộ kinh phí của các cơ sở GDMN tại các địa phương đều do UBND xã/phường quản lý và điều phối, các cơ sở MN không chủ động kinh phí, dễ sinh ra cơ chế "xin-cho". Ví dụ: 1/ Ở một số địa phương, ngân sách tỉnh hỗ trợ đời sống GVMN ngoài biên chế được cấp thẳng về xã (vì GDMN không có mục chi riêng), trong khi đó nguồn thu của xã không đủ bù chi, dẫn đến tình trạng xã dành kinh phí hỗ trợ của GVMN cho các khoản chi khác, tới lúc có kinh phí thì GVMN mới được nhận khoản hỗ trợ của mình (có nơi phải chờ 4-5 tháng). Do vậy đời sống của GVMN càng khó khăn hơn. 2/ Theo phân cấp thì hiện nay trường chịu trách nhiệm thu lệ phí xây dựng trường do phụ huynh đóng và sau đó giao cho UBND xã quản lý, khi cần sửa chữa nhỏ nhà trường sẽ làm dự toán xin UBND xã cấp trong số kinh phí đã giao nộp. Phương thức này chưa thực sự có hiệu quả đối với GDMN, do những lí do khác nhau UBND xã thường trích lại không kịp thời hoặc trích lại không đầy đủ kinh phí.

Về nguồn thu học phí: Cho đến nay, học